TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 547/2025/HS-PT
Ngày 16 tháng 6 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam
Ông Ong Thân Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hà Duy Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà theo hình thức trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1353/2024/TLPT-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Hắc Ngọc H. Do có kháng cáo của bị cáo và của các bị hại ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị Y đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2024/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: **Hắc Ngọc H**, sinh ngày 17/01/1980 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; nơi ở: Số D, BT5, bán đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Hắc Ngọc Đ (sinh năm 1945) và bà Lê Thị H1 (sinh năm 1951); có vợ là Đinh Thị Thu H2 (sinh năm 1980) và 02 con (sinh năm 2011 và 2013); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 04/5/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H khởi tố bị can về tội "Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự; bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại điểm cầu trung tâm).

Người bào chữa cho bị cáo Hắc Ngọc H:

1. Ông Nguyễn Văn N1 và ông Trần Văn H3, đều là Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số I phố C, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội (ông N1 có mặt, ông H3 vắng mặt).

2. Bà Ngụy Thị H4, Luật sư của Chi nhánh của Trung tâm T5 pháp lý cho người chưa thành niên tại tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Số nhà B, Tổ E, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn N: Ông Chu Đ1, Luật sư của Văn phòng L3 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: P, Tòa A, H, phường N, quận T, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1972; địa chỉ: Số G, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị hại không có kháng cáo, không bị kháng nghị nhưng có liên quan đến kháng cáo được Tòa án triệu tập:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ H5, sinh năm 1986; địa chỉ: Chung cư H, số E M, phường V, quận H, Hà Nội (vắng mặt).

2. Ông Hà Văn Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A, chợ Q3, tổ dân phố N, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hà Văn Q: Ông Nguyễn Văn T, Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số C, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nhưng có liên quan đến kháng cáo được Tòa án triệu tập:

1. Ông Hà Văn H6, sinh năm 1973; địa chỉ: Số C, TDP T, phường X, thành phố B (vắng mặt).

2. Bà Ngô Thị Bích H7, sinh năm 1981; địa chỉ: P, Tầng B, Chung cư A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 03 bị hại và 24 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị không có liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng năm 2010 đến năm 2022, Hắc Ngọc H đứng ra thành lập và làm đại diện theo pháp luật của nhiều Công ty hoạt động trong lĩnh vực bất động sản,

trong đó có Công ty Cổ phần Đ3 (gọi tắt là Công ty M3). Công ty M3 được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký lần đầu ngày 18/8/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10/5/2022, mã số doanh nghiệp: 0109314170, địa chỉ: số H, đường T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật là Hắc Ngọc H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các thành viên cổ đông của Công ty M3 là do Hoàng liên H8 xin thông tin tên, tuổi địa chỉ của những người quen biết để lập danh sách thành viên cổ đông, họ không tham gia góp vốn và không tham gia hoạt động gì liên quan đến Công ty M3.

Toàn bộ hoạt động của Công ty M3 do một mình Hắc Ngọc H trực tiếp điều hành và quyết định, không tiến hành họp bàn với bất kỳ ai. Hắc Ngọc H tuyển dụng, thuê: ông Nguyễn Đăng Q1 (sinh năm 1980; trú tại Chung cư M phường D, quận C, thành phố Hà Nội) làm Giám đốc tài chính của Công ty; bà Nguyễn Thị Bích N2 (sinh năm 1981 ở số B, ngõ F, H, phường B, quận T, thành phố Hà Nội) làm Giám đốc khối kinh doanh; bà Nguyễn Thị Tuyết T1 (sinh năm 1990; trú tại P, Tòa nhà N, khu ngoại giao đoàn phường X, quận B, thành phố Hà Nội) làm nhân viên phụ trách nhân sự hành chính và một số cá nhân khác làm nhiệm vụ văn phòng.

Trong quá trình điều hành hoạt động Công ty M3, từ tháng 3/2021 đến tháng 12/2021 Hắc Ngọc H đã có hành vi đưa ra thông tin sai sự thật về việc Công ty M3 đang thực hiện và sẽ thực hiện được việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các lô đất thuộc Dự án Khu đô thị L ở thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (gọi tắt là Dự án L); Dự án Khu đô thị M ở thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (gọi tắt là Dự án T) và Dự án Khu dân cư số 2 ở xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang (gọi tắt là Dự án L). Khách hàng có nhu cầu đầu tư, mua thì phải nộp tiền đặt cọc chuyển trước cho H từ 100.000.000 - 200.000.000 đồng/ 01 lô để giữ chỗ đối với các lô đất mà khách hàng dự kiến mua; sau khi chuyển đủ tiền thì tiến hành ký hợp đồng góp vốn, ký cam kết với Công ty M3 để được nhận quyền chuyển nhượng đất tại các dự án mà H đưa ra thông tin nêu trên.

Sau khi khách hàng chuyển tiền đặt cọc, Hắc Ngọc H đã chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích đầu tư kinh doanh và chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau:

(1) Chiếm đoạt tổng số 42.900.000.000 đồng tiền đặt cọc mua đất Dự án L của ông Phạm Văn N và ông Nguyễn Thế M: Ngày 29/12/2020, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2583/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án L là Công ty TNHH MTV Đ4 (gọi tắt là Công ty Đ4) có mã số thuế là 2400824774; người đại diện theo pháp luật là bà Tạ Thị Thùy L, Giám đốc Công ty. Trước khi được lựa chọn là nhà đầu tư Dự án L, Công ty Đ4 có ký thỏa thuận với Công ty Cổ phần X (gọi tắt là Công ty X) về việc khi Công ty Đ4 trúng thầu Dự án L thì Công ty X sẽ là đơn vị được ưu tiên thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật của Dự án. Dự án L có tổng diện tích là 11,65 ha, hiện dự án đã hoàn thành việc đền bù giải phóng mặt bằng, chưa triển khai thi công, chưa được mở bán.

Ông Phạm Văn N là người kinh doanh bất động sản và có quan hệ quen biết với Hắc Ngọc H từ trước. Khoảng đầu tháng 3/2021, ông N đến Công ty M3 gặp

H để hỏi về việc đầu tư bất động sản thì được H đưa ra thông tin Công ty M3 đang thực hiện Dự án L, có thể chuyển nhượng được quyền sử dụng đất của Dự án cho khách hàng; nếu ông N muốn đầu tư thì H sẽ ưu tiên. Sau đó, H hẹn và đưa ông N đến vị trí khu đất thực hiện Dự án L tại thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để xem trực tiếp. Tại đây, H cho ông N xem bản đồ quy hoạch chi tiết của Dự án L (tỷ lệ 1/500) và chỉ cho ông N xem vị trí các lô đất tương ứng với "bản đồ". Tiếp đó, tại trụ sở Công ty M3, H tiếp tục cho ông N xem bản Hợp đồng hợp tác về việc cùng thực hiện Dự án L giữa Công ty M3 với Công ty X (Hợp đồng do Hoàng tự soạn thảo từ trước theo mẫu, không có chữ ký của các bên).

Do được trực tiếp nghe H nói, đưa đi xem vị trí dự án và cho xem các tài liệu nêu trên nên ông N đã tin tưởng nội dung H đưa ra là thật. Ngày 10/3/2021, ông N đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 1003/2021/HĐNT/MRC-PVN và Cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1803-CK với Công ty M3 do H là người đại diện. Theo đó, Công ty M3 vay vốn của ông N và cam kết thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ 80% đến 90% các lô đất của Dự án L cho ông N với mức giá thỏa thuận: một lô đất được tính bằng giá thực tế của Nhà nước định giá nhân với hệ số 1,42; ông N phải thực hiện đặt cọc tiền để giữ quyền mua các lô đất với mức giá 200.000.000 đồng/01 lô và thực hiện nộp tiền tiếp tuỳ theo tiến độ thực hiện dự án cho đến khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời hạn cam kết hoàn thành việc giao đất chậm nhất là ngày 31/12/2021.

Sau khi thống nhất với Hắc N, ông Phạm Văn N đã liên hệ, trao đổi với ông Nguyễn Thế M (sinh năm 1972; trú tại: Tổ A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định) về việc cùng đầu tư góp vốn mua các lô đất của Dự án L. Ông N giới thiệu về Dự án L cho ông Nguyễn Thế M biết và đưa ông M đến Công ty M3 gặp Hắc N để tìm hiểu thêm về dự án. Một lần nữa, H khẳng định lại với ông N và ông M về việc Công ty M3 đang thực hiện Dự án L và có khả năng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ 80% đến 90% tổng số lô đất (bằng khoảng 300 lô đất) của Dự án L (còn lại từ 10% đến 20% tổng số lô đất là xuất ngoại giao đã có người chọn trước nên không chuyển nhượng được); mức giá bán một lô đất bằng mức giá Nhà nước định giá nhân với hệ số 1,42.

Do tin tưởng nên từ ngày 19/3/2021 đến ngày 29/3/2021, ông Nguyễn Thế M đã chuyển tổng số 20.000.000.000 đồng và ông Phạm Văn N đã chuyển tổng số 22.900.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 101885633333 của Hắc Ngọc H mở tại V1 Chi nhánh H13 để đặt cọc giữ quyền mua đất của Dự án L (trước khi nhận tiền thì số dư tài khoản của Hắc Ngọc H vào ngày 18/3/2021 là 78.899.965 đồng). Ngày 27/3/2021, Hắc Ngọc H đại diện Công ty M3 ký Cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2703-CK với ông N và ông M; theo đó Công ty M3 cam kết chuyển nhượng toàn bộ các lô đất của Dự án L cho ông N và ông M, Công ty M3 có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ thủ tục pháp lý, cơ sở hạ tầng của dự án và bàn giao các lô đất cho ông N và ông M chậm nhất là ngày 31/12/2021. Đến ngày 29/3/2021, do ông N và ông M đề nghị tách hợp đồng nên Hắc Ngọc H ký lại Hợp đồng vay vốn và Cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông N. Theo đó, ông N cho Công ty M3 vay và Công ty M3 cam kết chuyển nhượng khoảng 45% tổng các lô đất của Dự án L cho ông N; ký Hợp đồng vay vốn số

08/2021/MRC-HDVV và Cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2903.1-CK với ông M. Theo đó, ông M cho Công ty M3 vay 100.000.000.000 đồng, tương ứng với khoảng 45% số lô đất của Dự án Long trì, thời gian giải ngân vốn vay lần 1 là 20.000.000.000 đồng, các lần sau theo tiến độ của dự án, còn Công ty M3 cam kết chuyển nhượng khoảng 45% tổng các lô đất của dự án cho ông M.

Kết quả làm việc với Công ty Đ4 xác định: Công ty Đ4 không hợp tác kinh doanh, không ký kết hợp đồng, không ủy quyền cho bất kỳ tổ chức, cơ quan, cá nhân nào thực hiện việc mua bán, nhận tiền góp vốn liên quan đến các lô đất thuộc Dự án L. Do nắm được thông tin về việc có đơn vị lợi dụng môi giới bán đất thuộc Dự án Long Trì không đúng quy định, ngày 18/8/2021 Công ty Đ4 có Thông báo số 01/KD-TrA về việc "Công ty Đ3 do Hắc Ngọc H là đại diện theo pháp luật đang có cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giao bán đất thuộc Dự án Khu đô thị L là không có căn cứ pháp lý" để cá nhân, tổ chức có nhu cầu đầu tư mua đất thuộc Dự án biết và tránh bị lừa đảo.

Kết quả làm việc với Công ty X xác định: Công ty X không ký kết hợp đồng hợp tác thực hiện Dự án L với Công ty M3 và cá nhân Hắc Ngọc H.

(2) Chiếm đoạt tổng số 13.700.000.000 đồng tiền đặt cọc mua đất Dự án T của bà Nguyễn Thị Mỹ H5, ông Hà Văn Q, bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Đức H9:

Ngày 04/7/2021, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 799/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án T (giai đoạn 1), giao cho UBND huyện L tổ chức thực hiện các công việc theo đúng quy định của Nhà nước. Ngày 22/02/2022, UBND huyện L ban hành Quyết định số 216/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án T là liên danh Công ty Cổ phần X, Công ty Cổ phần D, Công ty TNHH D1; đơn vị đại diện liên danh là Công ty Cổ phần X (nay đổi tên là Công ty Cổ phần D2). Công ty Cổ phần D2 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số 2400831411 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp lần đầu ngày 19/01/2018, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 03/01/2023; người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Tiến H10, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hiện Dự án T đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ sở hạ tầng, chưa được mở bán.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H5 làm kinh doanh bất động sản. Do có quan hệ quen biết với Hắc Ngọc H từ trước nên khoảng tháng 10/2021 bà H5 đã liên hệ, trao đổi với H về việc đặt cọc tiền để mua đất Dự án T thì được H cho biết trong thời gian tới Công ty M3 sẽ tham gia đấu giá dự thầu, làm chủ đầu tư thực hiện dự án và chắc chắn sẽ trúng thầu do đã tài trợ cho tỉnh Bắc Giang nhiều dự án trước đó; H bảo bà H5 đến gặp H để trao đổi cụ thể. Sau đó, bà H5 đã liên hệ với ông Hà Văn Q là người quen biết từ trước và cũng làm về bất động sản cùng đến Công ty M3 gặp Hắc Ngọc H để bàn về việc đặt cọc tiền mua đất Dự án T. Ông Hà Văn Q rủ thêm bà Nguyễn Thị Y (sinh năm 1972; trú tại: số G, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) cùng đến gặp H. Quá trình gặp gỡ, Hắc N trao đổi thông tin về việc Công ty M3 có tài trợ cho UBND huyện L thi công đường trục chính tại khu vực thực hiện Dự án T, dự án này mới được hình thành trên Bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/500, Công ty M3 cũng sẽ tham gia đấu giá để làm chủ đầu tư

thực hiện Dự án này và sẽ trúng thầu. H cho bà H5, ông Q và bà Y xem ảnh Bản đồ quy hoạch dự án tỷ lệ 1/500 lưu trên điện thoại cá nhân của H và nói thêm "còn lại các lô đất thuộc LK-04, LK-06, LK-07, LK-12, LK-15 để dành cho quan hệ" và bảo mọi người về nghiên cứu; mức giá đặt cọc ban đầu để giữ chỗ là 100.000.000 đồng/01 lô, khách hàng phải nộp thêm tiền cho đến khi ra sổ (giấy CNQSDĐ), nếu muốn đầu tư thì liên hệ với H đồng thời Hoàng cung cấp thông tin số tài khoản ngân hàng cá nhân và tài khoản ngân hàng của Công ty M3 cho bà H5, ông Q và bà Y biết để ai có nhu cầu thì nộp tiền đặt cọc. Sau đó, bà H5, ông Q, bà Y và ông Trần Đức H9 (sinh năm 1973; trú tại: thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang) cũng có nhu cầu mua đất Dự án T đã chuyển tiền đặt cọc cho H để giữ quyền nhận chuyển nhượng và ký các hợp đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 12/10/2021, ông Hà Văn Q nhờ vợ là bà Nguyễn Thị Thu H11 chuyển tổng số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty M3 để đặt mua các lô đất thuộc LK-06, LK-07; từ ngày 02/11/2021 đến ngày 15/12/2021, ông Q cùng vợ là bà H11 nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của Hắc Ngọc H với tổng số tiền là 3.100.000.000 đồng để đặt mua các lô đất thuộc các LK-02, LK-03, LK-15; ngày 15/11/2021, ông Q bảo ông Hà Văn H6 (sinh năm 1973; trú tại: Số C, TDP T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) chuyển vào số tài khoản của Hắc Ngọc H số tiền 500.000.000 đồng; ngày 10/12/2021, ông Q nhờ bà Ngô Thị Bích H7 chuyển vào tài khoản của Hắc Ngọc H tổng số tiền 500.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Hà Văn Q chuyển cho Hắc Ngọc H để đặt cọc nhận chuyển nhượng các lô đất thuộc Dự án T được xác định là 5.100.000.000 đồng. Đến ngày 20/10/2021, ông Hà Văn Q và bà Nguyễn Thị Y ký Hợp đồng số 2010/2021/MRC-HDGV với Công ty M3 đặt mua 28 lô đất thuộc LK-12 và ngày 17/12/2021 ông Hà Văn Q ký Hợp đồng góp vốn số 1712/2021/MRC-HDGV đặt mua các lô đất thuộc LK-06, LK-07.

- Ngày 21/10/2021, sau khi ký Hợp đồng với Công ty M3 đặt mua 28 lô đất thuộc LK-12, bà Nguyễn Thị Y đã chuyển tổng số 2.800.000.000 đồng vào tài khoản của Hắc Ngọc H. Ngày 15 và 16/12/2021, bà Y tiếp tục chuyển tổng số 1.700.000.000 đồng vào tài khoản của Hắc Ngọc H để đặt mua các lô đất thuộc LK-06. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Y chuyển vào tài khoản của Hắc Ngọc H được xác định là 4.500.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H5 đặt mua các lô đất thuộc LK-04 và LK-08 Dự án T và bảo ông Dương Văn Đ2 (sinh năm 1989; trú tại thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang) chuyển tiền vào tài khoản của Hắc Ngọc H. Từ ngày 28/10/2021 đến ngày 01/11/2021, ông Dương Văn Đ2 đã chuyển tổng số 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của Hắc Ngọc H và được Công ty M3 viết phiếu xác nhận ngày 01/11/2021 thể hiện nhận số tiền 1.000.000.000 đồng, người nộp tiền là Thân Văn T2 (sinh năm 1984; địa chỉ: thôn G, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang) đặt mua các lô đất thuộc LK-04. Ngày 13/11/2021 và ngày 18/11/2021, Nguyễn Thị Mỹ H5 chuyển số tiền 500.000.000 đồng và số tiền là 1.500.000.000 đồng đến tài khoản của Hắc Ngọc H để đặt mua các lô đất thuộc LK-04, LK-08. Tổng số tiền Nguyễn Thị Mỹ H5 chuyển cho Hắc Ngọc H để đặt mua đất Dự án T được xác định là 3.000.000.000 đồng.

- Ông Trần Đức H9 thông qua ông Hà Văn Q đã đặt mua 11 lô đất thuộc LK-15 Dự án T. Ngày 15/11/2021, ông H9 nhờ ông Hà Văn H6 chuyển đến tài khoản của Hắc Ngọc H số tiền 500.000.000 đồng (số tiền này ông H9 đã thanh toán cho ông H6). Ngày 09/12/2021, ông H9 chuyển tiếp vào tài khoản của H tổng số tiền 600.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Trần Đức H9 chuyển cho Hắc Ngọc H được xác định là 1.100.000.000 đồng. Ngoài ra, ngày 30/11/2021 ông H9 còn chuyển vào tài khoản của ông Hà Văn Q số tiền 400.000.000 đồng để đặt mua đất thuộc LK-15. Đến ngày 17/12/2021, Hắc Ngọc H đại diện Công ty M3 ký kết Hợp đồng góp vốn số 1712a/2021/MRC-HDGV và Cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1712a-CK với ông Trần Đức H9.

Kết quả làm việc với Công ty Cổ phần D2 xác định: Công ty Cổ phần D2 không hợp tác kinh doanh, không ký kết hợp đồng, không ủy quyền cho bất kỳ cá nhân, tổ chức, cơ quan nào thực hiện mua bán, nhận tiền góp vốn liên quan đến các lô đất thuộc Dự án T.

(3) Chiếm đoạt 2.600.000.000 đồng tiền đặt cọc mua đất Dự án Lan Mẫu của ông Phạm Văn K:

Ngày 14/02/2022, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1256/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị L, huyện L, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000). Tính đến ngày 08/01/2024, Dự án Lan Mẫu chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án.

Thông qua mối quan hệ xã hội, ông Phạm Văn K (sinh năm 1976: trú tại: thôn L, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang) được biết Công ty M3 của Hắc N có dự án L. Sau khi tìm hiểu và trực tiếp trao đổi thì được H cho biết về cơ bản Dự án Lan Mẫu đã xong, Công ty M3 sẽ tham gia đấu giá, chắc chắn trúng, chỉ chờ Quyết định trúng thầu và cam kết trong vòng 60 ngày Công ty sẽ là chủ đầu tư của dự án. Do tin tưởng nên ông K đã đồng ý mua 13 lô đất của Dự án L. Ngày 24/12/2021, Hắc Ngọc H đại diện Công ty M3 đã ký Hợp đồng vay vốn số 2412f/2021/MRC-HDGV và Cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2412f-CK với ông Phạm Văn K; theo đó, ngay sau khi ký kết hợp đồng, ông K cho Công ty M3 vay 2.600.000.000 đồng và tiếp tục cho vay theo tiến độ dự án, còn Công ty M3 cam kết hoàn thiện đầy đủ pháp lý, cơ sở hạ tầng của dự án và bàn giao cho ông K 13 lô đất thuộc LK-05 chậm nhất ngày 31/12/2022. Cùng ngày 24/12/2021, ông K đã chuyển cho Công ty M3 tổng số tiền 2.600.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm việc với Sở Xây dựng tỉnh B, kết quả xác định tính đến thời điểm tháng 6/2023, Công ty M3 cũng như cá nhân Hắc Ngọc H không phải là nhà đầu tư, đơn vị tài trợ (khảo sát, nghiên cứu lập quy hoạch, thiết kế, lập, thực hiện dự án...) đối với bất kỳ dự án bất động sản nào trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Kết quả điều tra xác định:

- Sau khi nhận được số tiền nêu trên của Phạm Văn N, Nguyễn Thế M, Nguyễn Thị Mỹ H5, Hà Văn Q, Nguyễn Thị Y, Trần Đức H9 và Phạm Văn K; Hắc Ngọc H đã không sử dụng số tiền nhận được để đầu tư vào Dự án L; không

liên hệ tham gia đấu thầu Dự án T và Dự án Lan Mẫu theo như trao đổi, cam kết với những người trên, mà tự ý sử dụng số tiền nhận được vào các dự án khác mà Công ty M3 đang đầu tư, thực hiện.

- Công ty M3 và Hắc Ngọc H đã đầu tư góp vốn cùng với Công ty TNHH T6 (địa chỉ: Phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh - là chủ đầu tư thực hiện Dự án khu dân cư dịch vụ và thương mại phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; gọi tắt là Dự án U) với tổng số tiền 159.374.834.597 đồng; tạm ứng cho Công ty Cổ phần X1 (địa chỉ: Số A Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định) số tiền 17.900.000.000 đồng để thực hiện thi công Dự án U; chuyển cho Công ty Cổ phần Đ5 (địa chỉ: Tầng C, tòa nhà H, ngõ D, đường N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội) số tiền 8.000.000.000 đồng để thực hiện theo thỏa thuận về việc nhận chuyển nhượng quyền khai thác, quản lý kinh doanh chợ V2, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; chuyển số tiền 34.731.250.000 đồng để nhận chuyển nhượng Khách sạn Q4 của ông Cao Đăng Q2 (sinh năm 1963; trú tại: Số A, đường T, phường B, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa).

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã xác định rõ hành vi, vai trò, trách nhiệm của những người liên quan, trong đó:

a) Đối với Dự án L

Sau khi đã ký hợp đồng và nộp tiền cho Hắc Ngọc H, Phạm Văn N đưa ra thông tin bản thân có đất Dự án L, ai có nhu cầu đầu tư, mua thì N chuyển nhượng lại, kết quả xác định được như sau:

(1) Phạm Văn N thỏa thuận, chuyển nhượng lại cho Nguyễn Thị Mỹ H5 20 lô đất Dự án L với giá 350.000.000 đồng/ 01 lô. Sau khi thỏa thuận, thống nhất với Phạm Văn N, H5 thỏa thuận nhượng lại cho Hà Văn Q và Dương Văn Đ2. Hà Văn Q chuyển khoản cho Nguyễn Thị Mỹ H5 số tiền 2.700.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H5 chuyển khoản cho Phạm Văn N 2.700.000.000 đồng và bảo Dương Văn Đ2 chuyển khoản cho Phạm Văn N 1.500.000.000 đồng.

(2) Phạm Văn N thỏa thuận, chuyển nhượng 20 lô đất Dự án L cho Nguyễn Thị P (sinh năm 1984; trú tại: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang), Phan Thị L1 (sinh năm 1978; trú tại: số E, đường N, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang), Nguyễn Thị Mai H12 (sinh năm 1978; trú tại: Số E, đường N, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) với giá 430.000.000 đồng/01 lô, trong đó nộp vào Công ty M3 số tiền 200.000.000 đồng/01 lô; Phạm Văn N đã nhận tiền đặt cọc của những người nêu trên tổng số tiền là 8.600.000.000 đồng (trong đó P góp 6.400.000.000 đồng, L1 góp 1.200.000.000 đồng, H12 góp 1.000.000.000 đồng). Phạm Văn N đã đề nghị Hắc Ngọc H ký lại hợp đồng của N thể hiện Công ty M3 vay vốn và cam kết chuyển nhượng 20 lô đất Dự án L cho Nguyễn Thị P. Do đó, ngày 21/7/2021 Hắc Ngọc H đại diện Công ty M3 đã ký Hợp đồng vay vốn số 2107-2/2021/MRC-HDVV và Cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2107-2-CK với Nguyễn Thị P thể hiện P cho Công ty M3 vay 4.000.000.000 đồng và tiếp tục cho vay theo tiến độ dự án, còn Công ty M3 cam kết chuyển nhượng cho P 20 lô đất thuộc Dự án L.

(3) Phạm Văn N thỏa thuận, chuyển nhương 42 lô đất Dự án L cho Phạm Biên C (sinh năm 1997; trú tại: thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang) với giá là 420.000.000 đồng/01 lô; Phạm Văn N đã nhận tiền đặt cọc của Phạm Biên C tổng số là 17.640.000.000 đồng. Phạm Văn N đề nghị Hắc Ngọc H ký lại hợp đồng của N thể hiện Công ty M3 chuyển nhượng 42 lô đất Dự án L cho Phạm Biên C. Do đó, ngày 21/7/2021 Hắc Ngọc H đại diện Công ty M3 đã ký Hợp đồng vay vốn số 2107-1/2021/MRC-HDVV và Cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2107-1-CK với Phạm Biên C thể hiện Cương cho Công ty M3 vay 8.400.000.000 đồng và tiếp tục cho vay theo tiến độ dự án, còn Công ty M3 cam kết chuyển nhượng cho C 42 lô đất thuộc Dự án L.

b) Đối với Dự án Trần Phú

Sau khi đặt tiền, ký hợp đồng với Công ty M3 để được quyền nhận chuyển nhượng các lô đất Dự án T; Nguyễn Thị Mỹ H5, Hà Văn Q, Nguyễn Thị Y đã thỏa thuận, nhượng lại các lô đất này, trong đó:

- Ông Hà Văn Quảng N3 lại cho ông Hà Văn H6 các lô đất LK-06, LK-12 và đã nhận của H6 tổng số 4.880.000.000 đồng và một số cá nhân khác.

- Bà Nguyễn Thị Y được ông Hà Văn Q thỏa thuận, nhượng lại cho người khác với giá 230.000.000 đồng/01 lô. Ông Hà Văn Q thông qua Ngô Thị Bích H7 chuyển cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 2.415.000.000 đồng để được nhận chuyển nhượng các lô đất LK-12 của bà Y.

Kết quả giám định và sao kê tài khoản:

a) Kết quả giám định:

- Ngày 28/02/2023, Nguyễn Thế M cung cấp, giao cho Cơ quan điều tra Hợp đồng vay vốn, Cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng nguyên tắc cam kết không hủy ngang hợp đồng vay vốn, Phụ lục, Biên bản thanh lý hợp đồng, Phiếu thu thể hiện Công ty M3 ký hợp đồng với Phạm Văn N và Nguyễn Thế M. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 398/KL-KTHS ngày 10/3/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MARIO CAPITAL", hình dấu chức danh có nội dung "CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T Hắc Ngọc Hoàng" trên tài liệu cần giám định lần lượt do con dấu tròn của Công ty M3 và con dấu chức danh của Hắc Ngọc H đóng ra. Chữ ký mang tên Hắc Ngọc H, Phạm Văn N, Nguyễn Thế M trên tài liệu cần giám định lần lượt là do Hắc Ngọc H, Phạm Văn N và Nguyễn Thế M ký ra.

- Ngày 08/02/2023, Thân Văn T2 cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 Phiếu thu ngày 01/11/2021 của Công ty M3 đã nhận số tiền 1.000.000.000, người nộp tiền là Thân Văn T2. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 836/KL-KTHS ngày 11/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MARIO CAPITAL", hình dấu chức danh có nội dung "CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T Hắc Ngọc Hoàng" trên Phiếu thu đề ngày 01/11/2021 của Công ty M3 lần lượt do con dấu tròn của Công ty M3 và con dấu chức danh của Hắc Ngọc H đóng ra. Chữ ký mang tên Hắc

Ngọc H dưới mục "Giám đốc" trên tài liệu cần giám định là do Hắc Ngọc H ký ra.

- Ngày 21/6/2023, Nguyễn Thị Thu H11 là vợ của Hà Văn Q giao nộp cho Cơ quan điều tra các Hợp đồng góp vốn, các Bản cam kết, các Thỏa thuận bảo mật thông tin thể hiện Công ty M3 ký hợp đồng, cam kết với Hà Văn Q, Nguyễn Thị Y, Trần Đức H9 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất Dự án T. Tại Kết luận giám định số 1491/KL-KTHS ngày 14/8/2023 của Phòng KTHS Công an tỉnh B kết luận: Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MARIO CAPITAL", hình dấu chức danh có nội dung "CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T Hắc Ngọc Hoàng" trên tài liệu cần giám định lần lượt do con dấu tròn của Công ty M3 và con dấu chức danh của Hắc Ngọc H đóng ra. Chữ ký mang tên Hắc Ngọc H, Hà Văn Q, Nguyễn Thị Y, Trần Đức H9 trên tài liệu giám định lần lượt do Hắc Ngọc H, Hà Văn Q, Nguyễn Thị Y và Trần Đức H9 ký ra.

b) Kết quả sao kê các tài khoản:

Cơ quan điều tra đã thu thập được sao kê tài khoản của: Công ty M3; Hắc Ngọc H; Nguyễn Thị Tuyết T3; Phạm Văn N; Nguyễn Thế M; Nguyễn Thị Mỹ H5; Dương Văn Đ2; Nguyễn Duy T4; Nguyễn Thị Hồng N4; Hà Văn Q; Nguyễn Thị Thu H11; Hà Văn H6; Ngô Thị Bích H7; Nguyễn Thị Y; Trần Đức H9 và các cá nhân khác có liên quan. Kết quả xác định số tiền sao kê tài khoản, thời gian chuyển tiền phù hợp với nội dung chuyển và nhận tiền giữa các cá nhân như nêu ở trên.

2. Tại phiên toà sơ thẩm:

Luật sư Nguyễn Bá N5 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Y trình bày ý kiến: Về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Luật sư không có tranh luận gì; về trách nhiệm bồi thường buộc bị cáo phải bồi thường số tiền cho bà Y như bà Y là người bị hại trình bày tại phiên tòa.

Bà Nguyễn Thị Y đồng ý với quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà và không tranh luận đối đáp gì.

3. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2024/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình năm 2015: Xử phạt bị cáo Hắc Ngọc H 18 (Mười tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 21/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Hắc Ngọc H phải bồi thường cho người bị hại gồm:

- Anh Phạm Văn N: 15.370.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Y: 2.800.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định tạm giữ số tiền 1.670.000.000 đồng do bị cáo Hắc Ngọc H tự nguyện nộp khắc phục hậu quả; xử lý vật chứng;

án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm; nghĩa vụ chịu lãi suất đối với số tiền phải thi hành án còn lại; phổ biến về thủ tục thi hành bản án về phần trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

4. Kháng cáo:

4.1. Ngày 08/10/2024, bị cáo Hắc Ngọc H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

4.2. Ngày 17/10/2024, bị hại Phạm Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông số tiền còn lại là 15.370.000.000 đồng.

4.3. Ngày 17/10/2024, bị hại Nguyễn Thị Y có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự đối với số tiền bà đã nhận và bản chất của việc bà mua bán các lô đất với ông Hà Văn Q.

Sau đó, bà Nguyễn Thị Y có gửi một số đơn đề ngày 21/10/2024, 21/01/2025, 07/02/2025, 06/6/2025 trình bày cụ thể về nội dung kháng cáo như sau:

(1) Đề nghị xem xét lại thực tế số tiền nhận chuyển nhượng liên quan đến 10,5 lô đất LK12 ông Hà Văn Q thông qua bà Ngô Thị Bích H7 chuyển cho bà Y số tiền 1.700.000.000 đồng chứ không như nội dung vụ án nêu là 2.415.000.000 đồng;

(2) Đề nghị xác định lại bản chất của việc chuyển nhượng lô đất LK12 giữa bà với ông Hà Văn Q;

(3) Bà Y xác định bà không phải là bị hại trong vụ án, không bị H lừa đảo chiếm đoạt tài sản, việc bà chuyển tiền cho bị cáo H là do bà mua 14 lô đất LK12 của ông Hà Văn Q và ông Q bảo bà chuyển tiền vào tài khoản của Hắc Ngọc H nên ông Hà Văn Q phải trả cho bà 2.800.000.000 đồng chứ không phải bị cáo H phải trả.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1. Bị cáo Hắc Ngọc H tự nguyện xin rút toàn bộ kháng cáo.

5.2. Bị hại ông Phạm Văn N vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N là Luật sư Chu Đ1 có ý kiến: ông N xin rút một phần kháng cáo về nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo; về vấn đề dân sự, ông N giữ nguyên kháng cáo đề nghị xem xét đối với tài sản bị cáo H ở Thanh Hóa và dự án ở Quảng Ninh để thu hồi và bồi thường cho các bị hại.

5.3. Bị hại Nguyễn Thị Y giữ nguyên đơn kháng cáo.

5.4. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Hắc Ngọc H đã tự nguyện rút kháng cáo về phần hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo H. Về việc Luật sư Chu Đ1 trình bày bị hại ông Phạm Văn N xin rút một phần kháng cáo về hình phạt của bị cáo, xét thấy do bị hại không có mặt tại phiên tòa và Luật sư không có văn bản của ông N về việc này nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y và kháng cáo của ông Phạm Văn N về phần trách nhiệm dân sự là không có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo của bà Y, ông N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5.5. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hắc Ngọc H:

Luật sư Ngụy Thị H4 trình bày: Đối với kháng cáo của bị hại N thì Luật sư được bị cáo ủy quyền trả tiền cho các bị hại. Do khách sạn ở Thanh Hóa bị cáo đầu tư nhưng chưa được sang tên cho bị cáo nên cấp sơ thẩm không đưa vào xem xét để bồi thường là phù hợp, Luật sư sẽ tiếp tục đồng hành với gia đình bị cáo để hoàn thành việc bồi thường cho các bị hại.

Luật sư Nguyễn Văn N1 nhất trí với ý kiến của Luật sư H4 và bổ sung ý kiến: Việc xem xét cưỡng chế thuộc bên thi hành án, còn hiện nay chưa có căn cứ để ngăn chặn tài sản của bị cáo ở Quảng Ninh và Thanh Hóa.

5.6. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Phạm Văn N là Luật sư Chu Đông phát biểu ý kiến: Mặc dù ông N đã được bị cáo bồi thường hơn 20 tỷ đồng nhưng bị cáo vẫn còn phải tiếp tục bồi thường cho ông N 15.370.000.000 đồng; bị cáo H đã nhận phần nợ đó nhưng không thanh toán cho ông N. Hiện ông N biết bị cáo H đang đầu tư dự án ở Quảng Ninh và Thanh Hóa, tiền đầu tư của bị cáo Hoàng đúng R phải đưa vào bản án vì đây cũng là sử dụng số tiền bị cáo lấy từ các bị hại. Ông N kháng cáo đề nghị kê biên các tài sản đó vào để giải quyết phần bồi thường.

5.6. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Hà Văn Q là Luật sư Nguyễn Văn T phát biểu ý kiến: Phía bị hại Q đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu, đơn kháng cáo của bị hại Y là không có căn cứ, có một số căn cứ trình bày về việc bà Y là bị hại: *Thứ nhất*, bà Y thừa nhận đã đến Công ty M3 để ký hợp đồng, bản thân bà Y trực tiếp ký hợp đồng mua 28 lô đất, đồng thời đều là mua chung với ông Q. Vì bị hại H7 ăn tiền chênh lệch để đặt sẵn lô đất cho ông Q, bà Y mua chung nên công ty M3 chỉ nhận 100.000.000 đồng/lô, bên phía bị hại ăn chênh để ông Q và bà Y mua là 100.000.000 đồng nữa nên tổng là 200.000.000 đồng/lô; bản thân bị hại Y trực tiếp chuyển tiền vào tài khoản công ty M3. *Thứ hai*, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Y nhất trí bản thân là bị hại và các lời khai tài liệu ở cơ quan điều tra là đúng sự thật, tại sao sau khi phiên tòa sơ thẩm bà Y lại kháng cáo mình không phải bị hại là do bà mua lại của anh Q? Sau khi mua của bị cáo H không có đất để bán thì bà Y đã nhận lại số tiền từ chị H7, do vậy đã có đầy đủ căn cứ chứng minh bà Y là bị hại trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hắc Ngọc H đã tự nguyện rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 342, 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Hắc Ngọc H.

[2] Xét kháng cáo của bị hại ông Phạm Văn N đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Hắc Ngọc H thì thấy:

Trên cơ sở nội dung vụ án; xem xét lời khai nhận của bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ được, các bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2021 đến tháng 12/2021, Hắc Ngọc H đã có hành vi gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật về việc Công ty M3 của H đang hợp tác đầu tư thực hiện Dự án L (ở thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang); đã làm hồ sơ tham gia đấu thầu và chắc chắn sẽ trúng thầu làm chủ đầu tư thực hiện Dự án Trần P1 (ở thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang) và Dự án Lan M1 (ở xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang), có quyền chuyển nhượng lại các lô đất dự án cho những cá nhân có nhu cầu đầu tư, mua lại với giá từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng/01 lô để đặt cọc giữ chỗ.

Tin tưởng những thông tin Hắc Ngọc H đưa ra là đúng sự thật, những người bị hại đã chuyển tiền cho H thông qua tài khoản của Công ty M3 và tài khoản cá nhân của Hắc Ngọc H để đặt cọc giữ quyền các lô đất. Tuy nhiên trên thực tế thì Công ty M3 và bản thân H không có tham gia vào hoạt động đầu tư, tài trợ, không được uỷ quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với bất kỳ dự án bất động sản nào trên địa bàn tỉnh Bắc Giang mà H sử dụng số tiền thu được của các bị hại để đầu tư vào các dự án khác.

Với hành vi trên, H đã nhận và chiếm đoạt của nhiều người với tổng số tiền là 59.200.000.000 đồng (trong đó: chiếm đoạt của ông Phạm Văn N tổng số 22.900.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Hà Văn Q tổng số 5.100.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Y tổng số 4.500.000.000 đồng). Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Hắc Ngọc H phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thuộc trường hợp "Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả từ hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của bị cáo. Đồng thời, đã xác định bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục

trả lại được số tiền 40.030.000.000 đồng trên tổng số tiền 59.200.000.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại, được đa số bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố đẻ là ông Hắc Ngọc Đ là Thương binh loại A, thương tật hạng 2/4, được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huy hiệu 55 năm tuổi đảng; mẹ đẻ bà Lê Thị H1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; ông Hắc Ngọc V chú ruột của bị cáo là Liệt sỹ chống Mỹ; ông Nguyễn Văn M2 em ruột của mẹ vợ bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và là Liệt sỹ chống Mỹ; bố vợ là ông Đinh Huy C1 được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì; bản thân bị cáo H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Từ đó đã cân nhắc và quyết định xử phạt bị cáo 18 năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp, đúng pháp luật, bảo đảm tính nghiêm minh đối với người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm. Do đó, kháng cáo của bị hại ông Phạm Văn N yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của ông Phạm Văn N về phần trách nhiệm dân sự:

Tại Đơn kháng cáo, ông N cho rằng Hắc Ngọc H đã sử dụng tiền chiếm đoạt để đầu tư dự án ở Quảng Ninh và khách sạn ở Thanh Hóa nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào là tài sản liên quan là không đúng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Kết quả điều tra xác định Công ty M3 và Hắc Ngọc H đã đầu tư góp vốn cùng với Công ty TNHH T6, địa chỉ tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh tổng số tiền 159.374.834.597 đồng; tạm ứng cho Công ty Cổ phần X1, địa chỉ tại thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định số tiền 17.900.000.000 đồng; chuyển cho Công ty Cổ phần Đ5, địa chỉ tại quận T, thành phố Hà Nội số tiền 8.000.000.000 đồng; chuyển số tiền 34.731.250.000 đồng để nhận chuyển nhượng Khách sạn Q4 của ông Cao Đăng Q2 ở thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Luật sư Chu Đ1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn N cũng đã có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc Tập đoàn T6 và khách sạn Q4 trả lại tiền cho bị cáo H để bị cáo H bồi thường lại cho người bị hại. Tuy nhiên, nội dung này đã được Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: việc bị cáo H chuyển tiền cho các Công ty để đầu tư là hợp pháp, các Công ty này không có nghĩa vụ phải trực tiếp thanh toán cho các bị hại; quan hệ giữa bị cáo với các Công ty này là quan hệ dân sự, các bên chưa thanh quyết toán, chốt chính xác công nợ nên không có căn cứ để buộc; trường hợp các Công ty nhận đầu tư không thanh toán trả cho bị cáo thì bị cáo khởi kiện vụ án dân sự, không liên trong vụ án này. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để xem xét là đúng, theo đó cũng không thuộc phạm vi xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm. Trong quá trình thi hành bản án, nếu có căn cứ chứng minh bị cáo có tài sản tại các công ty trên thì ông N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xem xét thu hồi để bồi thường cho ông theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

[4] Đối với kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Y, xét thấy:

Tại khoản 1 các Điều 62, 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: *"Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra"* và *"Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự"*.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện: do có mối quan hệ từ trước nên khoảng tháng 10/2021 chị Nguyễn Thị Mỹ H5 đã liên hệ, trao đổi với bị cáo H về việc đặt cọc tiền để mua đất Dự án T. Sau đó, chị H5 đã liên hệ với ông Hà Văn Q cùng đến Công ty M3 gặp Hắc Ngọc H để bàn về việc đặt cọc tiền mua đất Dự án T. Ông Hà Văn Q rủ thêm bà Nguyễn Thị Y cùng đến gặp H. Quá trình gặp gỡ, Hắc N trao đổi thông tin về Dự án T và cho chị H5, ông Q và bà Y xem ảnh Bản đồ quy hoạch dự án tỷ lệ 1/500 lưu trên điện thoại của H và bảo mọi người về nghiên cứu; mức giá đặt cọc ban đầu để giữ chỗ là 100.000.000 đồng/01 lô, khách hàng phải nộp thêm tiền cho đến khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời, Hoàng cung C2 thông tin số tài khoản ngân hàng cá nhân và tài khoản ngân hàng của Công ty M3 cho chị H5, ông Q và bà Y biết để ai có nhu cầu thì nộp tiền đặt cọc.

Theo đó, từ ngày 12/10/2021 đến ngày 15/12/2021 ông Q đã chuyển vào tài khoản của Công ty M3 cho Hắc Ngọc H nhiều lần tổng số tiền 5.100.000.000 đồng để đặt cọc nhận chuyển nhượng các lô đất thuộc Dự án T. Đến ngày 20/10/2021, ông Q và bà Y cùng ký Hợp đồng số 2010/2021/MRC-HDGV với Công ty M3 đặt mua 28 lô đất thuộc LK-12 và ngày 17/12/2021 ông Q ký Hợp đồng góp vốn số 1712/2021/MRC-HDGV đặt mua các lô đất thuộc LK-06, LK-07. Sau khi ký Hợp đồng với Công ty M3 đặt mua 28 lô đất thuộc LK-12, ngày 21/10/2021 bà Y đã chuyển tổng số 2.800.000.000 đồng vào tài khoản của Hắc Ngọc H; ngày 15 và 16/12/2021, bà Y tiếp tục chuyển tổng số 1.700.000.000 đồng vào tài khoản của H để đặt mua các lô đất thuộc LK-06. Tổng số tiền bà Y chuyển vào tài khoản của Hắc Ngọc H được xác định là 4.500.000.000 đồng.

Sau khi đặt tiền, ký hợp đồng với Công ty M3 để được quyền nhận chuyển nhượng các lô đất Dự án T, chị Nguyễn Thị Mỹ H5, ông Hà Văn Q và bà Nguyễn Thị Y đã thỏa thuận, nhượng lại các lô đất này cho một số người khác. Trong đó, bà Y được ông Hà Văn Q thỏa thuận nhượng lại cho người khác với giá 230.000.000 đồng/ 01 lô; ông Q đã thông qua bà Ngô Thị Bích H7 chuyển cho bà Y số tiền 1.700.000 đồng (trong Hợp đồng ghi 2.415.000.000 đồng) để được nhận chuyển nhượng các lô đất LK-12 của bà Y.

Tại phiên toà sơ thẩm (có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y), bà Y đã có ý kiến đề nghị xem xét lại số tiền giao dịch và sau quá trình tranh tụng tại phiên toà, bà Y và bị cáo H đã xác định bị cáo H chiếm đoạt của bà số tiền 2.800.000.000 đồng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định bà Y là bị hại

trong vụ án và buộc bị cáo Hắc Ngọc H phải bồi thường cho bà Y số tiền 2.800.000.000 đồng.

Với những tình tiết nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hắc Ngọc H đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Y tổng số 4.500.000.000 đồng, theo đó bà Y là bị hại trong vụ án. Quá trình điều tra, truy tố xác định số tiền bị cáo còn phải trả cho bà Y 2.100.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bà Y trình bày số tiền bà được trả là do H7 trả, trong tổng số tiền đó có 800.000.000 đồng do ông Hà Văn Q chuyển; bà Y xác định Hắc Ngọc H còn phải trả số tiền 2.800.000.000 đồng. Căn cứ vào sao kê tài khoản của bà Y xác định ngày 04/6/2022 ông Q có chuyển cho bà Y 800.000.000 đồng và thực tế H7 mới chuyển cho bà Y số tiền 1.450.000.000 đồng thay cho bị cáo H. Từ đó, đã xác định bị cáo H còn phải trả cho bà Y 2.800.000.000 đồng; phần tiền còn lại bà Y có trách nhiệm đòi chị Nguyễn Thị Mỹ H5 là có căn cứ pháp luật.

Mặt khác, tại các Đơn đề nghị đề ngày 02/10/2024, ngày 27/12/2024 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hà Văn Q và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Q trình bày: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị Y là bị hại và bị cáo H còn phải trả cho bà Y 2.800.000.000 đồng là đúng pháp luật. Bà Y kháng cáo cho rằng bà Y đã chuyển tiền cho bị cáo H là do bà Y mua 14 lô đất LK12 của ông Hà Văn Q, Quảng bảo Y chuyển tiền vào tài khoản của H là không đúng sự thật. Có lẽ do bà Y thấy bị cáo H bị xử phạt tù, không có tiền để bồi thường cho bà Y nên bà Y mới kháng cáo cho rằng bản thân không phải là bị hại để yêu cầu ông Q phải trả cho bà Y số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y thừa nhận ngày 20/10/2021 bà Y cùng ông Q ký Hợp đồng số 2010/2021/MRC-HDGV với Công ty M3 đặt mua 28 lô đất thuộc LK-12 và ngày 21/10/2021 bà Y đã chuyển tổng số 2.800.000.000 đồng vào tài khoản của Hắc Ngọc H; ngày 15 và 16/12/2021, bà Y tiếp tục chuyển tổng số 1.700.000.000 đồng vào tài khoản của Hắc Ngọc H để đặt mua các lô đất thuộc LK-06. Bị cáo H xác định quá trình giao dịch, bị cáo không trực tiếp giới thiệu với ai thông tin về việc mua bán các lô đất và không gặp trực tiếp ai, chỉ gặp ông Q 01 lần; hợp đồng là do người khác soạn thảo còn bị cáo chỉ ký, không biết ai là người mua. Mặt khác, hồ sơ vụ án thể hiện giữa bà Y và ông Q có sự kết hợp kinh doanh với nhau trong lĩnh vực này, trước khi cùng bà Y ký Hợp đồng số 2010 nêu trên thì từ ngày 12/10/2021 đến ngày 15/12/2021 ông Q đã chuyển vào tài khoản của Công ty M3 cho Hắc Ngọc H nhiều lần tổng số tiền 5.100.000.000 đồng để đặt cọc nhận chuyển nhượng các lô đất thuộc Dự án Trần P1 và cũng bị H chiếm đoạt. Việc bà Y cho rằng bản chất của sự việc là bà mua lại các lô đất của ông Q và bà chuyển tiền cho H là do ông Q bảo bà chuyển chứ thực tế trong quá trình giao dịch bà chưa từng gặp H với chứng cứ bà Y giao nộp là văn bản bà viết ra từ nội dung file ghi âm một số cuộc trao đổi qua điện thoại giữa bà với ông Q, bà H5, "Điền Hải" và trực tiếp với Hắc Ngọc H. Tuy nhiên xem xét toàn bộ nội dung bà Y trao đổi nêu trên thì cũng không có đủ cơ sở để chứng minh cho bản chất của sự việc như bà Y đã nêu ở trên.

Do đó, việc bà Y kháng cáo cho rằng bản thân không phải là bị hại và yêu cầu ông Hà Văn Q phải bồi thường cho bà số tiền trên là không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến của ông Hà Văn Q về nội dung tại tiểu mục (2) mục (2.2) Phần 2 của Bản án sơ thẩm đã ghi nhận theo nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang xác định ông nhận của anh Hà Văn H6 tổng số 4.880.000.000 đồng và một số cá nhân khác. Do không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, trường hợp bản án sơ thẩm có nhầm lẫn về số liệu thì ông Q có quyền làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét để đính chính, sửa chữa.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Căn cứ vào các điểm e, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Bị cáo Hắc Ngọc H rút kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bà Nguyễn Thị Y kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đối với ông Phạm Văn N, qua tranh tụng tại phiên tòa thì thấy chỉ có liên quan đến việc thi hành phần trách nhiệm dân sự nên không thuộc trường hợp phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 342, 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Hắc Ngọc H.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn N yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Hắc Ngọc H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2024/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về hình phạt đối với bị cáo Hắc Ngọc H:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Hắc Ngọc H 18 (mười tám) năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 21/4/2023.

2.2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại ông Phạm Văn N, bà Nguyễn Thị Y về phần trách nhiệm dân sự; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2024/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Hắc Ngọc H đối với ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị Y. Cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Hắc Ngọc H phải bồi thường cho bị hại:

- Ông Phạm Văn N số tiền 15.370.000.000 (mười lăm tỷ ba trăm bảy mươi triệu) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Y số tiền 2.800.000.000 (hai tỷ tám trăm triệu) đồng.

3. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về việc tạm giữ số tiền 1.670.000.000 đồng do bị cáo Hắc Ngọc H tự nguyện nộp khắc phục hậu quả; xử lý vật chứng; án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Nghĩa vụ chịu lãi suất đối với số tiền phải thi hành án còn lại và thủ tục thi hành bản án về phần trách nhiệm dân sự được thực hiện theo hướng dẫn tại bản án sơ thẩm.

5. Án phí hình sự phúc thẩm:

5.1. Bị cáo Hắc Ngọc H và bị hại ông Phạm Văn N không phải chịu.

5.2. Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Y đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000136 ngày 21 tháng 10 năm 2024.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 6 năm 2025).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại có kháng cáo và có liên quan đến kháng cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có kháng cáo.
- Lưu hồ sơ vụ án.